TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:152/2022/DS- PT
Ngày: 10/8/2022
V/v:*tranh chấp đòi lại tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc
-Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà:* Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/7 và 10/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2022/TLPT - DS ngày 13 tháng 6 năm 2022, về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐ-PT ngày 29/6/2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn*:* Bà Mai Thị R, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp An H, xã Long A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.Bị đơn:

2.1.Bà Phạm Ngọc S, sinh năm 1960 (có mặt)

2.2.Ông Thái Văn B, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp An H, xã Long A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Người kháng cáo: bà Phạm Ngọc S là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2021 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Mai Thị R trình bày:

Bà R làm chủ hụi, bà Phạm Ngọc S là hụi viên có tham gia các dây hụi như sau:

1/ Dây hụi tháng 200.000đ, khui ngày 30/7/2010, gồm 22 phần, hụi mãn vào ngày 30/4/2012, bà S tham gia 01 phần (trong giấy hụi ghi là thím 5 B vì chồng bà S thứ 5 tên B), bà S hốt hụi lần thứ nhất, kêu 65.000đ, các hụi viên đóng 135.000đ, bà S hốt được số tiền 2.835.000đ, trừ tiền đầu thảo 80.000đ, còn lại 2.755.000đ bà giao tiền cho bà S nhận, không có biên nhận. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết được 16 kỳ là 3.200.000đ, còn lại 05 kỳ không đóng số tiền là 1.000.000đ.

2/ Dây hụi tháng 500.000đ, khui ngày 10/8/2010, gồm 19 phần, hụi mãn vào ngày 10/02/2012, bà S tham gia 01 phần, hốt lần thứ 3, kêu 150.000đ, bà S hốt được 7.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 200.000đ, còn lại 6.800.000đ bà giao tiền cho bà S nhận, không có biên nhận. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết được 09 kỳ là 4.500.000đ, còn lại 06 kỳ không đóng số tiền là 3.000.000đ.

3/ Dây hụi tháng 500.000đ, khui ngày 05/11/2010, gồm 16 phần, hụi mãn vào ngày 05/02/2012, bà S tham gia 01 phần, hốt lần thứ nhất, kêu 200.000đ, bà S hốt được số tiền 4.500.000đ, trừ tiền đầu thảo 200.000đ, còn lại 4.300.000đ bà giao tiền cho bà S nhận, không có biên nhận. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết được 09 kỳ là 4.500.000đ, còn lại 06 kỳ không đóng số tiền là 3.000.000đ.

4/ Dây hụi tháng 500.000đ, khui ngày 20/3/2011, gồm 18 phần, hụi mãn vào ngày 20/6/2012, bà S tham gia 01 phần, hốt lần thứ ba, kêu 200.000đ, bà S hốt được 5.500.000đ, trừ tiền đầu thảo 200.000đ, còn lại 5.300.000đ, bà giao tiền cho bà S nhận, không có biên nhận. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết được 03 kỳ là 1.500.000đ, còn lại 12 kỳ không đóng số tiền là 6.000.000đ

5/ Dây hụi tháng 500.000đ khui ngày 25/5/2011, gồm 16 phần, hụi mãn vào ngày 25/8/2012, bà S tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ nhất, hụi kêu 185.000đ, bà S hốt được số tiền 4.725.000đ, trừ tiền đầu thảo là 200.000đ, còn lại 4.525.000đ bà giao tiền cho bà S nhận, không có biên nhận. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết được 03 kỳ là 1.500.000đ, còn lại 12 kỳ bà S không đóng số tiền là 6.000.000đ.

Tổng cộng 05 dây hụi nêu trên bà S nợ số tiền 19.000.000đồng, đến ngày 10/9/2015 bà và bà S chốt nợ với nhau, bà viết biên nhận và bà S ký tên thừa nhận còn nợ là 19.000.000đ.

Khi ký biên nhận nợ bà S có hứa đi lao động ở Đài Loan về trả tiền cho bà, nhưng khi về bà S không trả nợ mà cố tình tránh né, việc bà S cho rằng có góp tiền cho bà mỗi ngày 20.000đ là không có.

Nay bà yêu cầu bà Phạm Ngọc S và ông Thái Văn B liên đới trả cho bà tiền hụi còn nợ là 19.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2022 bà Phạm Ngọc S khai:

Bà có tham gia góp hụi do bà Mai Thị R làm chủ hụi, dây hụi 1.000.000đ/tháng, khui thời gian nào không nhớ, khi hai bên đối chiếu nợ với

nhau thì bà còn nợ bà R số tiền 5.000.000đ (việc đối chiếu nợ không có làm giấy tờ), nhưng sau đó bà có góp cho bà R mỗi ngày 20.000đ, góp được bao nhiêu ngày thì không nhớ và chỉ nhớ còn nợ 500.000đ , bà góp hụi chồng của bà là ông Thái Văn B biết, tiền hốt hụi dùng vào chi phí trong sinh hoạt gia đình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị R;

Buộc bà Phạm Ngọc S có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị R số tiền còn nợ là 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị R kiện đòi ông Thái Văn B liên đới trách nhiệm trả số tiền 19.000.000đ cho bà R.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 bà Phạm Ngọc S kháng cáo không đồng ý trả cho bà Mai Thị R số tiền 19.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/7/2022 bà Phạm Ngọc S không đồng ý trả cho bà Mai Thị R số tiền 19.000.000đ, yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà trong biên nhận ngày 10/9/2015. Đến ngày 01/8/2022 bà S nộp đơn yêu cầu không giám định chữ ký của bà trong biên nhận do bà R cung cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự không ai cung cấp chứng cứ gì mới.

Bà S thừa nhận năm 2010 có góp hụi do bà R làm đầu thảo, nhưng không nhớ cụ thể chỉ nhớ tham gia một dây và nợ bà R 5.000.000đ, sau đó góp mỗi ngày 20.000đ, hiện nay chỉ còn nợ 500.000đ và đồng ý trả 500.000đ. Về án phí dân sự sơ thẩm do tại cấp sơ thẩm bà không tham gia nên không biết để xin miễn nộp án phí vì bà thuộc trường hợp người cao tuổi và hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn nên bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Mai Thị R yêu cầu bà S trả số tiền 19.000.000đ.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Ngọc S. Sửa án sơ thẩm về phần án phí. Bà S được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: ngày 09/5/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vắng mặt các bị đơn, ngày 22/5/2022 bà S và ông B nhận được Bản án sơ thẩm. Ngày 06/6/2022 bà S kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà S thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, kháng cáo của bị đơn được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của của bà Phạm Ngọc S không đồng ý trả cho bà Mai Thị R số tiền 19.000.000đ:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của nguyên đơn thể hiện: bà Phạm Ngọc S là hụi viên tham gia góp hụi do bà Mai Thị R làm đầu thảo, thời gian bắt đầu góp hụi là năm 2010 và hụi đã mãn. Trong thời gian góp hụi bà S đã hốt hết các dây hụi và có đóng hụi chết, nhưng không đóng đầy đủ, còn nợ lại số tiền 19.000.000đ. Ngày 10/9/2015 bà R và bà S chốt nợ 19.000.000đ, có lập biên nhận, có chữ ký của bà S.

Bà S thừa nhận năm 2010 có tham gia góp hụi do bà R làm đầu thảo và nợ bà R số tiền 5.000.000đ, sau đó có trả góp mỗi ngày 20.000đ, nhưng không nhớ góp được bao nhiêu ngày, chỉ nhớ còn nợ bà R số tiền 500.000đ. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà S không cung cấp được tài liệu,chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/7/2022, bà S yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà trong biên nhận do bà R cung cấp, đến ngày01/8/2022 bà nộp đơn không yêu cầu giám định. Bà R không thừa nhận bà S còn nợ 500.000đ và cũng không có nhận tiền góp của bà S mỗi ngày 20.000đ. Bà S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên kháng cáo của bà S không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy án sơ thẩm xử buộc bà S trả cho bà R số tiền19.000.000đ là có căn cứ.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: tại phiên tòa phúc thẩm bà S yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp tiền án phí sơ thẩm, do bà thuộc trường hợp người cao tuổi. Xét thấy yêu cầu của bà S phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà S.

[4]Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận;

[5]Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Ngọc S, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long về phần án phí.

[6]Về án phí phúc thẩm: bà Phạm Ngọc S được miễn nộp do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[7]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Ngọc S;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long về phần án phí.

Căn cứ Điều 166, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị R;

Buộc bà Phạm Ngọc S có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị R số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị R kiện ông Thái Văn B liên đới với bà S trả số tiền 19.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Ngọc S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm (người cao tuổi).

Hoàn trả cho bà Mai Thị R tiền tạm ứng án phí 475.000đ (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003457 ngày 16/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Phạm Ngọc S được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm (người cao tuổi).

4.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
-TAND huyện Long Hồ;
- CCTHADS huyện Long Hồ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình